

# Cảm thức cô đơn thân phận trong thơ Hoài Khanh

**Bùi Quang Khải**

*Học viên Cao học, ngành Văn học, Trường Đại học Văn Hiến*

*Email: echip1986@gmail.com*

*Ngày nhận bài: 25/6/2021; Ngày duyệt đăng: 12/10/2021*

## Tóm tắt

*Thơ Hoài Khanh xuất hiện trên thi đàn văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975. Thơ ông là niềm ám ảnh về sự hiện hữu của con người trước cuộc đời, khởi nguồn từ sự cô đơn. Đó là tiếng kêu đau đớn của con người, bơ vơ trong tình yêu, lạc loài trước một thế giới đổ vỡ, dị biệt. Có lẽ hồn thơ của thi nhân vốn đã có sự tương đồng với trào lưu triết học hiện sinh. Vì thế thơ Hoài Khanh mang cảm thức cô đơn thân phận.*

**Từ khóa:** cảm thức, Hoài Khanh, cô đơn, hiện sinh

## Loneliness' feeling in Hoai Khanh poet

### Abstract

*Hoai Khanh's poetry appeared on the Southern of Vietnam literary forum in the period 1954-1975. His poetry is an obsession about the human existence in life, which rooted in loneliness. It is the cry of human pain, loneliness in love, and loss in front of a broken, different world. Perhaps the poet's poetic soul has inherent similarities with the current of existential philosophy. Therefore, Hoai Khanh's poetry contains a sense of loneliness.*

**Keywords:** existence, Hoai Khanh, loneliness, sensation

### Mở đầu

Hoài Khanh thuộc lớp văn nghệ sỹ miền Nam trước 1975, lớn lên và trưởng thành trong thời đại đầy biến cố, xung đột chính trị, tôn giáo, với nỗi ám ảnh đau thương của chiến tranh. Vì thế, thơ của Hoài Khanh ít nhiều mang tâm thức của cả một thế hệ đổ vỡ niềm tin và sự mặc cảm của thân phận con người nhỏ bé, cô đơn, tha nhân, hoài nghi trước những phi lý của cuộc đời. Cùng thời điểm triết học hiện sinh được tiếp nhận trong đời sống văn nghệ miền Nam và đạt nhiều thành tựu trong sáng tác cũng như lý luận phê bình. Triết học hiện sinh đã trở thành một khuynh hướng, trào lưu lớn trong văn học miền Nam giai đoạn

1954-1975. Như một lẽ tất yếu, triết học hiện sinh và thơ Hoài Khanh có một sự gặp gỡ diệu kỳ. Thơ khởi nguồn từ máu tủy tinh cốt thi nhân, tiếp sức cho con người vươn lên đi tìm ý nghĩa của sự tồn tại bản thể. Từ đó, thơ trở thành nỗi lòng của thi sỹ trước sự biến thiên của thời đại cũng như nỗi niềm về thân phận con người. Trong cảm thức hiện sinh, Hoài Khanh là kẻ lạc loài, cô đơn trong cõi nhân sinh nhưng lại gánh vác khổ đau của nhân loại trên hành trình dần thân.

### 1. Ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh trong văn học đô thị miền Nam 1954-1975 nói chung và thơ Hoài Khanh nói riêng

Bối cảnh xã hội Việt Nam từ những

năm giữa thế kỷ XX chịu sự tác động, chi phối mạnh mẽ các khuynh hướng tư tưởng phương Tây. Xuất phát từ nhu cầu phát triển, từ sức sống nội tại của tinh thần dân tộc, đời sống văn hóa Việt Nam không ngừng tiếp thu những giá trị nhân văn của văn hóa thế giới. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, dòng chảy văn hóa Việt vẫn tiếp biến, ngày càng hiện đại, bắt kịp các trào lưu tư tưởng văn hóa nhân loại. Vào những năm 1954-1975, trong khi miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, kiên định con đường văn nghệ theo tư tưởng triết học Mác, thì ở miền Nam có sự phân hóa sâu sắc về tư tưởng văn hóa. Đặc biệt là đời sống đô thị miền Nam giai đoạn này vô cùng phức tạp, mâu thuẫn với nhiều biến cố, xung đột chính trị. Cùng với đó, tinh thần xã hội ẩn chứa những hoang mang, âu lo, con người khao khát tự do, quyền sống mong muốn suy tư về chính tự do và thân phận làm người thì chủ nghĩa hiện sinh bắt đầu được tiếp nhận trong sinh hoạt văn hóa. Có thể nhận thấy tầm ảnh hưởng sâu rộng của khuynh hướng hiện sinh trong đời sống văn học miền Nam, Huỳnh Như Phương (2008) cho rằng: “*Để chọn một lý thuyết triết học và mỹ học được du nhập và có ảnh hưởng rộng rãi nhất trong lý luận và sáng tác văn học miền Nam Việt Nam những năm 1954 -1975, có lẽ nhiều người sẽ không ngần ngại chọn chủ nghĩa hiện sinh*”. Ông cũng là một trong những người đầu tiên bàn đến chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam Việt Nam trên bình diện lý thuyết và bước đầu phác thảo một bức tranh cận cảnh về sự du nhập, bén rễ và nảy nở của chủ nghĩa hiện sinh trong lòng xã hội Việt Nam. Trên văn đàn đô thị miền Nam (1954-1975) xuất hiện nhiều cây bút theo khuynh hướng hiện sinh, đã trở thành một trào lưu trong sinh hoạt văn nghệ, in dấu ấn trên những sáng tác của

nhiều tác giả, tiêu biểu như: Hồ Hữu Tường, Vũ Khắc Khoan, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mộng Giác, Nhã Ca, Mai Thảo, Võ Phiến, Nguyễn Thị Hoàng, Duyên Anh, Duy Lam, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Hoài Khanh, Nhật Tiến, Nguyễn Sa, Tô Thùy Yên, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Đặng Tiến, ...

Hoài Khanh là một nhà thơ tiêu biểu cho văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975. Thơ ông có mặt trên nhiều tờ báo, tạp chí nổi tiếng thời bấy giờ như: *Bách Khoa*, *Mai*, *Giáo Dục Phổ Thông*, *Văn Hữu*, *Tiểu Thuyết Tuần San*, *Thời Nay*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*, ... Hoài Khanh đã hiện diện trên thi đàn Việt Nam với thi phẩm *Dâng rừng*. Sau đó là các tập thơ: *Thân phận* (1962), *Lục bát* (1968), *Gió bắc - Trẻ nhỏ - Đóa hồng và Dế* (1970). Về văn, ông có tập truyện *Trí nhớ hoang vu và khói* (1970). Trong lời *Tựa* tập thơ *Thân Phận*, Phạm Công Thiện đã viết: *Nỗi cô đơn của Hoài Khanh*, bằng chất văn vừa có sự giao cảm trong thi ca, vừa có tình bằng hữu, Phạm Công Thiện đã khắc họa chân dung Hoài Khanh: “*Bởi vì đây là hình ảnh bi đát của Đời, của con người, của một kẻ bị dầy giữa bãi đất hoang tàn của nghĩa địa trần gian. Nhìn nét mặt Khanh, tôi thấy sự Chết, tôi thấy Bệnh hoạn, Đau khổ, Quẫn quại, Ray rứt, Xao xuyến, Hài hùng, Hoang liêu, Cô đơn; tôi thấy sự Chiến bại, sự Thất vọng của con người. Nghe sự im lặng của Khanh, tôi cảm thấy Thượng đế, tôi cảm thấy Quỷ ma, tôi cảm thấy Tiếng nói của một ngàn đêm, hai ngàn đêm, triệu ngàn đêm, tiếng nói của muôn triệu ngàn đêm vọng về hiu hắt trong lòng nhân thế. Tôi không muốn nghe, cũng như bao nhiêu người khác cũng không muốn nghe, bởi vì đó là tiếng nói của sự thật: Tiếng nói của*

dòng sông vạn ngàn năm chảy trôi về biển. Dòng sông kia cứ vẫn chảy xa mù” (Hoài Khanh, 2014: 6-7). Có thể nói, Phạm Công Thiện đã đi sâu vào thế giới thơ của Hoài Khanh mà khám phá những trầm tích còn đọng lại sau nỗi đau thân phận con người. Bùi Giáng với lối phê bình nghệ sỹ, đầy trực cảm của một hồn thơ đồng điệu với Hoài Khanh, trong *Đi vào cõi thơ*, ông đã viết: “Suốt bài thơ, dường chẳng thấy sự tình gì xảy ra hết cả. Chỉ nghe một dòng sông đi. Một triều sóng động. Người ta chấp nhận bài thơ như chấp nhận một trận mưa rào xuống ruộng tình biển ái. Người ta đi vào bài thơ như đi vào cõi như lai tịch mịch ngậm ngùi. Như đi vào một cung đàn diễm ảo nhỏ nhưng khép mở, gây một trận tịch hạp chon von, cho nảy ra một niềm đốn ngộ. Người ta không biết đâu bờ bến để phân tích. Không còn chủ nghĩa. Không còn lập trường. Chỉ còn một niềm phiêu dật hồn nhiên tự phóng nhiệm hòa vào cây cỏ, nước mây, là môi trường riêng tây của thi sỹ” (Bùi Giáng, 1969: 100). Từ những lời phê bình của Bùi Giáng ta có thể thấy thế giới thơ của Hoài Khanh là một thế giới *diễm ảo*, vượt ra ngoài mọi ràng buộc của thế thái nhân tình mà đưa hồn phiêu bạt giữa trần gian. Thơ Hoài Khanh mang nặng nỗi buồn, niềm cô đơn thân phận, trong sự mặc cảm hoài nghi cùng với những khát khao, đau đớn trước cuộc đời trần thế.

## 2. Cô đơn - khởi nguồn dẫn thân cho thơ

Theo triết học hiện sinh thì con người không chọn được sự sinh ra và không thể thoát khỏi cái chết nhưng con người chọn được cách sống và chết, và cách sống có ý nghĩa nhất là sống và chết như một nhân vị độc đáo. “Thành thử con người tự cảm thấy cô đơn, một mình gánh vác vận mệnh của mình, không ai sống thay và chết thay cho

ta được” (Trần Thái Đình, 2018: 41). Hành trình sống của con người là hành trình cô đơn từ trong bản chất. Con người luôn phải đối diện với nỗi cô đơn trong đời. Về cơ bản con người luôn cô đơn, ai cũng có một thế giới riêng và luôn khao khát đi tìm bản ghép cho thế giới riêng đó.

Chính sự cô đơn trong nỗi niềm ám ảnh đã thôi thúc con người nhận thức về hiện thực một cách sâu sắc hơn. Sự cô đơn trong thơ Hoài Khanh cũng khởi nguồn từ cảm thức hiện sinh như vậy: *Mắt em hồ võ cung đàn/ Thôi xuân nào cũng mộng tàn đêm thâu/ Ngùi hương bóng nhỏ giọng sầu/ Cõi kia cũng quạnh quẽ màu lưu ly (Màu lưu ly)*. Vì thế, thơ Hoài Khanh đã sống với một niềm cô đơn rất riêng, trong niềm khắc khoải của “hai con mắt u huyền đã làm tan vỡ cung đàn bất tuyệt tài hoa. Và mỗi phen lại nghe cung đàn mình chết lịm trong cung đàn sơ khai kỳ ảo” (Bùi Giáng, 1969: 133). Nghĩa là cô đơn chính là khởi nguồn cho cung đàn thơ Hoài Khanh. Cung đàn thơ ấy vừa thổn thức âm hưởng Tây phương, lại trầm mặc da diết trong nỗi sầu Đông phương.

Nỗi cô đơn trong thơ Hoài Khanh luôn vận động, chuyển đổi trạng thái trong nhiều cung bậc khác nhau. Nghĩa là tất cả mọi trạng thái cảm xúc của nhà thơ đều khởi nguồn từ sự cô đơn. Chính sự cô đơn đã quy tụ những đốn đau, khắc khoải, xao xuyến, hoang liêu, kể cả nỗi ám ảnh về cái chết trong thơ Hoài Khanh. Trạng thái cô đơn trong thơ Hoài Khanh từ khởi nguồn đã vượt lên tất cả, xuyên suốt hành trình thơ ông:

*Lệ ướt canh tàn đêm bơ vơ  
Tâm tư gửi trọn vào trang giấy*

(Trở gối)

Khi con người lẩn tránh hay đối mặt với hiện thực đều thấy mình cô đơn. Để rồi thi nhân viết những vần thơ của “đêm bơ

vor” gửi gắm vào hậu thế mai sau trong những trang giấy mỏng manh nhưng rất bông nổi niềm thời đại. Nếu như cô đơn của Xuân Diệu mang nỗi niềm ám ảnh thời gian, để rồi thi sỹ lựa chọn cách sống *Vội vàng*, sống trọn vẹn từng giây phút, trong niềm khao khát mãnh liệt thì cô đơn trong thơ Hoài Khanh như một hệ giá trị sống, nhận ra sự cô đơn của chính mình như là một phương thức để tồn tại, hiện hữu: *Làm sao còn nếp xuân thì/ Cô đơn lạnh buốt chân đi một mình (Sầu thế kỷ)*. Hoài Khanh cảm thức về thời gian, tuổi trẻ trong *nỗi cô đơn lạnh buốt*, mỗi bước chân đi qua in dấu cuộc đời là hành trình *một mình* lẻ loi. Nhà thơ nếm nghiệm hương vị của nỗi cô đơn trong sự tê tái đến cùng cực, trong niềm khoái cảm của ưu tư. Đó là thái độ ứng xử với cô đơn để nhà thơ tìm sự đối thoại, khai phóng khả năng sáng tạo nghệ thuật: “*Nỗi cô đơn của văn chương là nỗi cô đơn mà nếu không có nó sẽ không có tác phẩm, hoặc là tác phẩm sẽ phải nhỏ từng giọt máu để tìm xem phải viết thêm gì*” (Duras, 1993; Trần Văn Công dịch, 2010: 13). Vì thế để giải tỏa niềm cô đơn trong tâm hồn, người nghệ sỹ không còn con đường nào tốt hơn là sáng tạo thế giới nghệ thuật cho riêng mình. Nỗi cô đơn thân phận trở thành một phương thức thẩm mỹ để thi sỹ giải mã những khoảng lặng của thi ca.

Cảm thức cô đơn trong Thơ Hoài Khanh luôn khắc sâu vào thân phận con người. Đó là hình ảnh con người luôn trần trụi trước cuộc đời dang dở, chia lìa, trong niềm ám ảnh về sự hư vô: *Đã mòn mỏi cánh chim bay/ Hồn thanh niên bỗng đêm ngày ngẩn ngơ/ Và tôi hạt cát xa mờ/ Một đêm nào bỗng tình cơ sương tan (Trong giọt sương tan)*. Con người chỉ là “*hạt cát xa mờ*” trong vũ trụ bao la, tự muôn đời đã mang một thân phận nhỏ bé, hao mòn trước

thực tại. Giọt sương lẻ loi, lạnh buốt soi bóng những vì sao cô độc trên những dãy thiên hà xa xôi. Hình ảnh thơ liên tưởng độc đáo, ý vị. Tình và cảnh đan cài bởi nỗi niềm thổn thức. Rồi như một lẽ tự nhiên thi sỹ bắt ngờ “ngẩn ngơ” tìm thấy cho mình một vũ trụ riêng để nương náu, để cất cao tiếng hát từ cõi lòng hoang vắng, cô liêu:

*Bây giờ tôi hát cho tôi  
Và em sẽ hát cho người ta nghe  
Để đêm nào bước chân về  
Cô đơn hè phố lòng nghe rã rời*

**(Giọng sầu)**

Cô đơn trong cảm thức thơ Hoài Khanh còn là sự lạc lõng trong cuộc đời. Từ khi bước vào đời thi sỹ đã nhận ra sự đơn côi của mình: *Vào đời một trái tim côi/ Bao phen rách nát giọng cười hồn mang (Sầu thế kỷ)*. “*Con người cô đơn, mãi mãi cô đơn vì mỗi con người tự nó đã là điều xa lạ. Chính vì mặc cảm cô đơn con người cảm thấy nhỏ bé trước rộng lớn của vũ trụ*” (Tạ Ty, 1971: 566). Sự cô đơn bào mòn linh hồn và thể xác: *Thế kỷ hai mươi linh hồn ta tàn tạ/ Núi gì đây trong vũng tối cô liêu (Tình khúc của hai người)*. *Trái tim côi* của thi nhân mạnh mẽ cuốn theo dòng thời gian vô thủy vô chung: *Mắt nhìn thấu suốt u hoài/ Và đi cảm biết tháng ngày cô đơn/ Theo mưa làm nước trôi nguồn/ Sầu ca tuổi trẻ chân phương ngủ ngàn (Chịu đựng)*. Nếu như Xuân Diệu cũng đã từng ý thức rất sớm vị trí của mình trong cuộc đời, không gì khác con người chính là một nhân vị độc đáo, là một thế giới chứa đầy bí ẩn, là một, là duy nhất: *Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất/ Không có chi bề bạn nổi cùng ta (Hy Mã Lạp Sơn)*. Thì Hoài Khanh thấy mình là một nhân vị đơn côi, lẻ loi dưới gầm trời *hồn mang*. Nỗi cô đơn bản thể mang một vẻ đẹp thánh thiện hướng con người tìm kiếm những giá trị cao thượng: “*Hiện sinh là một tư chất, một đặc*

ân dành riêng cho con người - hữu thể - người - bởi chỉ có con người mới tự do lựa chọn một cách thức, một thái độ sống, tức là ý thức để thành hiện sinh” (Nguyễn Tiến Dũng, 2005: 80). Vì thế, Hoài Khanh đã tìm đến thi ca trong sự tự do của vần điệu ngôn từ, như tìm một bộ phóng cho những dồn nén bị thương dằng dặc.

Tuổi trẻ đã mang nỗi sâu trên vai, để cô đơn đến với nhà thơ như là một hệ quả tất yếu của sự đổ vỡ niềm tin cùng tuyệt vọng bao trùm hiện thực:

*Lòng ta sâu hay vết thương sâu  
Thế kỷ cô đơn hay hồn ta cô đơn  
Cuộc đời bao dung hay ứa căm hờn*  
**(Về buồn của tình yêu)**

Cô đơn mang mặc cảm của sự biệt ly. Cuộc sống là những tháng ngày chờ đợi khắc khoải: *Chao ôi là heo hút/ Buồn chát nhiều trên mái ngói sân ga/ Nhìn ngày đón những tàu qua/ Cô đơn dâng những toa mới mòn* (**Tâm sự một nhà ga**). Hoài Khanh liên tưởng hành trình của đời người như một con tàu đơn chiếc: *Đơn cô là một vai cầu/ Lẻ loi là một con tàu ra đi* (**Giao cảm**). Sự cô đơn của lòng người gập gờ, kết nối với cả những sự vật vô tri, vô giác. Phải chăng hơn bao giờ hết nhà thơ khát thèm một tiếng đồng vọng của giống loài và đó là *em*:

*Em thì vẫn nụ cười xanh mắt biếc  
Màu cô đơn trên suối tóc la đà  
Còn gì nữa với mây trời đang nắng  
Đã vô tình trôi mãi bên sông xa*

**(Ngồi lại bên cầu)**

Thi nhân tìm đến “*em*” với “*nụ cười xanh mắt biếc*” như là ước vọng để giải thoát nỗi cô đơn thân phận. Nhưng đáp lại là sự “*vô tình*” để cuộc tình “*trôi mãi bên sông xa*”. Tình yêu không cứu rồi được niềm cô đơn thế kỷ trong nỗi lòng thi nhân. Tất cả giờ chỉ còn sự nuối tiếc, đổ vỡ của tình nhân: *Chân đã bước trên lối về hoang*

*vắng/ Còn chẳng em giữa sóng ngực căng đầy* (**Ngồi lại bên cầu**). Cuộc đời hư vô, con người cảm thấy trống vắng. Tình yêu đến rồi đi trong sự tiếc nuối ảo ảnh. Đường như thế giới chỉ còn mỗi nhà thơ đứng trợ trợ một mình: *Thi thôi đời vẫn thế mà/ Hồn khô ráo lệ vẫn ta một mình* (**Quên**). Có lẽ Hoài Khanh vẫn còn tin vào giá trị cuộc sống mà hoài cảm trước thực tại đổ vỡ trong vô cùng đau đớn. Thi sỹ để mặc cho âm hưởng reo vang tự đáy lòng cô độc mà ngân nga: *Mây ơi cứ trở xa mù/ Cho ta ở lại đèn bù cuộc vui* (**Màu thiên thu**). Dù dòng đời nghiệt ngã tiêu hủy số kiếp mỏng manh thân phận con người thì Hoài Khanh cũng đẩy ước vọng xóa nhòa khoảng cách “*xa mù*” để nói lại con đường giao cảm với đời. Ở đó, thi sỹ chấp nhận kiếp sống tha nhân của mình, trân trọng sự hiện hữu, tự khai phá, dự phóng cho mình con đường sáng tạo riêng.

Người nghệ sỹ cô đơn thường hoài nghi trước thực tại và thường tìm đến nghệ thuật như một sự giải thoát cứu cánh linh hồn. Hoài Khanh ý thức về sự cô đơn trong thân phận lưu đày cũng chính là ý thức được sự giới hạn của đời người. Nhà thơ đã đốt cháy nỗi cô đơn của mình để soi đường, mở ra cánh cửa hy vọng bước vào đời. Vì thế, cô đơn trở thành suối nguồn nuôi dưỡng hồn thơ Hoài Khanh.

### **3. Cảm thức cô đơn - lạc loài trước một thế giới đổ vỡ**

Thi nhân mang cảm thức hiện sinh bao giờ cũng trần trụi sự hiện hữu của nhân vị trong cuộc đời. “*Những nhà văn, nhà thơ mang dấu ấn hiện sinh một khi muốn sống theo hiện hữu của mình, bằng dự phóng không cần điểm tựa của lý trí, là luân lý có sẵn thì những thủy thủ không có la bàn đó là liều thân nhảy vào biển cả mênh mông của cuộc đời. Cho nên họ cô đơn, khắc khoải, lo âu*” (Trần Thị Mai Nhi, 2006:

136). Xưa kia Nguyễn Du đã tự hỏi mình trong dự cảm, âu lo, cô độc đến khắc khoải là bởi cảm thấy mình cô đơn, bơ vơ giữa loài người: *Bất tri tam bách dư niên hậu/ Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như* (**Độc Tiểu Thanh ký**). Thì có lẽ không đợi đến ba trăm năm mà chỉ khoảng hai trăm năm, ta có một Hoài Khanh cũng mang cảm thức bơ vơ, lạc loài trước một thế giới đồ vờ:

*Tang thương là những nắm mồ  
Đơn côi là những vãn thơ lạc loài*

**(Hẹn đốt tình thương)**

Nếu như thời đại Nguyễn Du sống cũng biết bao điều xấu ác, bao nhiêu nạn nhân của những Sở Khanh, những Mã Giám Sinh, những Tú Bà, ... đó là thời của tiền quyền, cường quyền lên ngôi, xô đẩy con người ta đến bờ vực của thống khổ, chính vì thế Tố Như đã đau đớn thốt lên rằng: *Trải qua một cuộc bể dâu/ Những điều trông thấy mà đau đớn lòng* (**Truyện Kiều**). Thì Hoài Khanh sinh ra, trưởng thành trong giai đoạn lịch sử cũng đầy biến động của xã hội đô thị miền Nam 1954-1975 - một thời kỳ hoang tàn, đổ vỡ của khói lửa chiến tranh, những mâu thuẫn, xung đột chính trị, tôn giáo và sự xâm chiếm của văn hóa Mỹ và phương Tây: *Súng còn vọng mãi trời căm/ Rung rung mắt lệ nghìn tâm sự nào* (**Nhớ Nguyễn Du**). Hơn bao giờ hết, Hoài Khanh nhận thức rõ sự cô đơn, lạc loài trước cuộc đời:

*Ngược xuôi bao kẻ đi về  
Tấm thân bé mọn bên lề tồn vong  
Chuyện đời có có không không  
Phù vân một áng bụi hồng xa xa*

**(Nhớ Nguyễn Du)**

Ngay từ khi bắt đầu dần thân, Hoài Khanh đã nhận ra thân phận mình chỉ là “tấm thân bé mọn” sống “bên lề” trong vòng xoáy của thời cuộc “tồn vong” mất mát, đau thương. Cuộc đời là tấn bi kịch trên sân khấu, sự được mất ở đời rồi cũng

hóa hư không: *Của những đêm huyền hoặc  
ánh sao mờ/ Bước vào đời đã khắc khoải bơ vơ* (**Bắt đầu**). Sự “khắc khoải bơ vơ” trong thơ Hoài Khanh chính là sự lạc loài của con người trên chính quê hương:

*Em từ lạc dấu trâm anh  
Ôi nhan sắc cũng mong manh sầu rộn buồn  
Người từ lạc dấu quê hương  
Là thôi đất cũng hoang lương ngút ngàn*  
**(Nghe nhận lạc bầy)**

Còn gì chua xót hơn khi con người lại bơ vơ trên chính mảnh đất đã nuôi dưỡng ta nên người. Sau bao tháng ngày phiêu lãng, thi nhân ngỡ ngác khi chợt nhận ra đã *lạc dấu quê hương*. Nghe đàn chim nhận bay về phương Nam mà hoài niệm quê xưa trong niềm nuôi tiếc cho “em” - “nhan sắc” đã phai tàn theo năm tháng. Hình ảnh chim nhận lạc bầy thức tỉnh niềm xúc cảm thể lương. Đó là loài chim tượng trưng cho sự thủy chung son sắt với một tình yêu quê hương nồng nàn, không bao giờ quên nguồn cội. Vậy mà cánh chim mỏng manh đó lại lạc đàn, phấp phồng, côi cút trong một buổi chiều hoang liêu. Hoài Khanh chịu ảnh hưởng của triết học hiện sinh trong cảm thức tư tưởng phương Đông nên ông đã nhận ra sự lạc loài - đổ vỡ bao trùm bởi nỗi cô đơn bản thể cùng với sự mong manh, hư vô của kiếp nhân sinh: *Con người vẫn còn đó để đi/ Những chặng đường mà thời đại là một viên bị/ Lăn lông lốc trên ghềnh vực thẳm* (**Cây pháo bông của trẻ**). Và hình như thi sỹ xưa nay luôn là một giống loài đặc biệt, luôn cảm thấy mình cô đơn lạc lõng giữa đồng loại.

*Một mình ta vẫn bơ vơ  
Bãi sau bãi trước thần thờ lặng đau*  
**(Sài Gòn buổi ấy lạc nhau)**

Có lẽ cảm thức bơ vơ về sự lạc trước cuộc đời là cảm thức chung của nhiều nhà thơ đô thị miền Nam trước 1975. Khác với

tâm thức trào lưu lãng mạn trong văn học giai đoạn 1930-1945: “*Đây là cái tâm trạng chung của xã hội trước sự đổ vỡ, tàn tạ của lâu đài văn hóa cũ. Chính tâm trạng ấy là nguyên nhân sinh ra khuynh hướng thi vị hóa tiểu thuyết với những chuyện bao bọc bằng làn khí lênh láng những thơ*” (Thanh Lăng, 1967: 750). Giai đoạn ấy đã sản sinh một Đinh Hùng chìm trong những cơn mê trường dạ của tình yêu: *Ta suốt đời không ngủ/ Thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh* (**Đường vào tình sử**). Ta có một Vũ Hoàng Chương đắm mình cuồng dại trong cõi say: *Chưa cuối xứ Mê ly chưa cùng trời Phóng đặng/ Còn chưa say hồn khát vẫn thêm men* (**Say đi em**). Rồi thêm một Nguyên Sa “*bóc năm tháng của cuộc sống riêng tư để ca tụng tình yêu, để trải tâm sự qua từng niềm thương nỗi nhớ, qua từng giọt sữa yêu thương cũng như nỗi buồn mặt đấng*” (Tạ Ty, 1970: 255). Thêm một Bùi Giáng ám ảnh giẫy giụa trong vùng xa mạc hoang liêu: *Đêm gằm bất tuyệt thiên nhiên/ Càn khôn chết lịm dưới phiến sương gieo* (**Sa mạc phát tiết**). Và còn những Thanh Tâm Tuyền, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức Sơn, Phạm Thiên Thư, Nhã Ca, Trụ Vũ, Ngô Kha, ... ở họ đều ít nhiều mang tâm thức của kẻ lạc loài - một kẻ khác - trước một thế đồ vỡ. Hành trình tiến vào thế giới thi ca của họ là xuyên thấu bản chất thực thể in hằn lên câu chữ bằng niềm khắc khoải riêng tư. Có thể nói mỗi nhà thơ là tượng trưng cho ngọn hải đăng soi sáng hăng đêm dài trong cõi cô liêu mịt mù. Nhưng họ chẳng thể tìm thấy con thuyền đời để “*nuơng nấu*”:

*Cuộc đời rộng tôi không nơi nuơng nấu  
Lòng bơ vơ hỏi mãi kiếp lưu đày  
Nhưng núi sông, ngày tháng đã là mây  
Bay vô định - tôi một loài vô định*

(**Tự thi**)

Thi nhân rợn ngợp trước thời gian - không gian của vũ trụ vô thường, nhận ra đời mình là một “*kiếp lưu đày*” trôi dạt “*vô định*” không bờ bến. Kiếp nhân sinh mỏng manh hữu hạn trong sự vô hạn của dòng thời gian. Sự được mất ở đời sẽ cuốn theo ngày tháng, hết thấy đều không ngừng biến hóa. Nhân thể dẫu tươi đẹp, con người cũng không thể nào níu kéo, để rồi ra đi trong “*vô định*”: *Vũ trụ vô cùng sao tình người hữu hạn/ Trái tim tinh thành cũng ó những phù hoa* (**Rời tôi lại đi**). Dù con người từ thuở mở mắt chào đời đã mang trong mình một “*trái tim tinh thành*” sáng trong, thánh thiện nhưng khi bước vào vòng trầm luân “*cũng ó những phù hoa*”. Thi sỹ giằng co giữa hai bờ cô đơn và lạc loài mà khát khao tìm kiếm một thanh âm đồng điệu. Nhưng “*tình người hữu hạn*” nào ai hiểu thấu, cảm thông cho nỗi niềm thi nhân. Chính nguồn cảm hứng đó, trong chiều cảm xúc bất tận đã làm nên nội lực cho thơ Hoài Khanh: *Môi nào cũng lạnh như môi/ Và em ngày mộng - tuổi trôi lạc loài* (**Nhìn phận**). Thi nhân gặm nhấm nỗi sầu trên bờ môi lạnh buốt, mà đếm thời gian “*trôi lạc loài*” hòa tan vào “*vũ trụ vô cùng*”. Con người hiện sinh trong khoảnh khắc của hiện tại, già từ quá khứ nhưng không ngừng hoài niệm trong ảo ảnh hư vô. Rồi lại đối diện với tương lai mịt mờ. Con người nhận ra mình chỉ là kẻ xa lạ trong cõi đời này, xa lạ với chính mình: *Cõi người lặn lóc đi về/ Cõi đời lạc lõng bên lề tồn vong* (**Lời thờ than**). Như thế cảm quan của thi nhân hiện đại chịu ảnh hưởng triết hiện sinh về cuộc sống đã hoàn toàn khác với cảm quan của các thế hệ nhà thơ trước đó. “*Theo đó trong lĩnh vực thi ca, có thể nhận thấy những dấu hiệu chuyển đổi hệ hình tư duy thể hiện rất rõ qua các phương diện: Từ mô hình phản ánh hiện thực đến mô hình suy tư về hiện thực,*

từ hiện thực bước đến hiện thực của giấc mơ nhờ mờ bất định” (Nguyễn Đăng Điệp, 2014: 14). Các nhà thơ trung đại chịu ảnh hưởng quan niệm thi sỹ ngôn chí nên thường hướng vào cái cao cả, về đạo đức chính sự như: *Rẽ có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương* (Nguyễn Trãi - **Bảo kính cảnh giới**). Tình cảm lớn lao không cho phép họ có những tình cảm thông tục của con người bình thường. “*Con người trong thơ trung đại là con người chức năng, giá trị con người là ở đạo đức*” (Hoàng Thị Huệ, 2014: 104). Nhưng đến thời kỳ Thơ Mới chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn, thơ ca đã xuất hiện con người cá nhân ưu tư, băn khoăn, trăn trở về kiếp sống nhân sinh. “*Sự đụng chạm với phương Tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt Nam có dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người*” (Hoài Thanh - Hoài Chân, 2013: 119). Họ ý thức sâu sắc thân phận mình trong từng phút giây của sự tồn tại: *Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối/ Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm* (Giục giã - Xuân Diệu). Sang giai đoạn 1954-1975, thơ ca đô thị miền Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi chủ nghĩa hiện sinh, có lẽ thi nhân đã nhận thức rõ sự phi lý của số kiếp nhân sinh. Sinh ra là kiếp con người nhưng lại lạc loài trong thế giới loài người. Đó là sự phi lý khởi nguồn từ nỗi ám ảnh thân phận. Cuộc đời phi lý bởi nó chỉ toàn là những bờ vực hỗn mang chực nuốt chửng lấy cái ý nghĩa tồn tại của con người, đẩy tồn tại con người vào thẳm sâu hư vô, trống rỗng. Không biết tự bao giờ thi sỹ đã là những kẻ lạc loài từ thuở khai sinh, tạo hóa đã cho họ phút giây diệu kỳ khi được chạm mặt nàng thơ. Thơ Hoài Khanh cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Trong một bài thơ

thi nhân đã thú nhận:

*Tôi sẽ khóc dù chẳng có tình yêu  
Ôi em kiếp tôi trót sinh loài khao khát*  
**(Ôm cột đèn)**

Khi con người ta đến tận cùng của sự cô đơn, cũng là lúc con người sống cháy bỏng khao khát. Tận cùng của sự bơ vơ, lạc loài cũng chính là sự thức cảm hiện sinh sâu sắc về hiện thực. Hoài Khanh ý thức rõ sự giới hạn của hiện hữu, ông hiểu được mọi cái đi qua đời mình đều có giá trị riêng của nó. Cũng chính bởi thế giới trong tâm thức Hoài Khanh là những sự đổ vỡ, *buồn nôn*, cuốn con người vào bi kịch của đời người, làm tổn thương vỡ nát tâm hồn vốn nhạy cảm của thi nhân. Vì thế Hoài Khanh đã tự nhận mình là “*loài khao khát*” - một giống loài khởi thủy đã ẩn chứa những mạch ngầm mê hoặc, trên vùng xa mạc cháy bỏng những đốm đau, trên “*những chiều sương ám phủ*” của kiếp tha hương:

*Màu áo đỏ phát phơ màu vĩnh biệt  
Bay về đâu xin còn lại linh hồn  
Để ta giữ những chiều sương ám phủ  
Của một thời luân lạc kiếp tha hương*  
**(Xin chào Đà Lạt)**

Thơ Hoài Khanh là tiếng nói của thân phận con người trong thời đại đầy biến động, gắn liền với giai đoạn lịch sử miền Nam những năm 1954-1975. Thời đại ấy đã sản sinh ra một thế hệ bơ vơ, ngơ ngác đi tìm lý tưởng, khát vọng sống. Với những văn nghệ sỹ ý thức được sự vô thường của hiện hữu như Hoài Khanh lại càng cảm thấy mình cô đơn lạc loài trước cuộc đời.

### **Kết luận**

Thơ Hoài Khanh chịu ảnh hưởng của triết học hiện sinh mang nỗi niềm trăn trở về sự hiện hữu của con người. Từ việc thức tỉnh nỗi cô đơn thân phận cũng là cội nguồn của thơ ca. Thi nhân tìm đến cô đơn như là phương thức giải mã sự tồn tại, như là mạch

ngầm của mọi đam mê cháy bỏng. Cô đơn trong thơ Hoài Khanh mang đậm dấu ấn hiện sinh. Sự cô đơn đó không làm con người ta chán nản, bi quan và ngược lại thúc dục con người ta đi tìm những nguồn sống mới. Dù có lạc loài trong cõi đời, bơ vơ tình yêu, trải qua bao đắng cay, gian truân thì Hoài Khanh vẫn khát khao lựa chọn cho mình một cách sống, một cách hiện hữu để vượt qua hiện thực đầy khắc nghiệt. Thơ Hoài Khanh là tiếng kêu thốn thức của con người nhận thức sự hư vô của kiếp nhân sinh trong vũ trụ vô cùng. Đôi khi tiếng kêu ấy dễ khiến con người ta trở nên mềm yếu, dẫn vật, hoài nghi trước hiện thực đầy đống đau, đổ vỡ. Có lẽ phần nào tư tưởng nhà thơ chịu sự hạn chế của bối cảnh thời đại.

#### Tài liệu tham khảo

- Bùi Giáng (1969). *Đi vào cõi thơ*. Sài Gòn, Nxb Ca dao.
- Duras, M. (1993). *Écrire. Viêt*. Trần Văn Công dịch (2010). Hà Nội, Nxb Văn học.
- Hoài Khanh (2014). *Thân phận* (Tái bản lần 6). Hà Nội, Nxb Hồng Đức.
- Hoài Thanh - Hoài Chân (2013). *Thi nhân Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Hoàng Thị Huế (2014). *Thơ mới nhìn từ quan hệ văn hóa - văn học*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
- Huỳnh Như Phương (2008). Chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam Việt Nam 1954-1975 (trên bình diện lý thuyết). *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, 9, 91-103.
- Nguyễn Đăng Điệp (2014). *Thơ Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Nguyễn Tiến Dũng (2005). *Chủ nghĩa hiện sinh - Lịch sử sự hiện diện ở Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tạ Ty (1970). *Mười khuôn mặt văn nghệ*. Sài Gòn, Nxb Kim Lai Ấn Quán.
- Tạ Ty (1971). *Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay*. Sài Gòn, Nxb Lá Bối.
- Thanh Lăng (1967). *Bảng lược đồ văn học Việt Nam (Quyển hạ) Ba thế hệ của nền văn học mới (1862-1945)*. Sài Gòn, Nxb Trình bày.
- Trần Thái Đình (2018). *Triết học hiện sinh*. Hà Nội, Nxb Văn học.
- Trần Thị Mai Nhi (2006). *Văn học hiện đại, văn học Việt Nam giao lưu gặp gỡ*. Hà Nội, Nxb Văn học.

